

SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL

Light

REMY OB

Guố i **dây đeo cố** th ể điều chỉnh

Guố d REMY ESD, t ấm **lót chân có** th i **thay** , ch hoàn hảo cho v ệ sinh.

Những vật liệu cao cấp hơn	hành động da
lót bên trong i tái chế	lưới
trong Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)	
ngoài Đ	Phylon/cao su
i Loạ	OB / SR, HRO, A, E, ESD
Phạm vi kích thước	EU 36-48 / UK 3.5-13.0 / US 4.0-13.5 JPN 22.5-31.5 / KOR 235-315
ng lượng thép	0.280 kg
ản hoá chu	ASTM F2892:2018 EN ISO 20347:2022(Europe)

CE · ESD

CO_2 5.29 kg



WHT



NAV



X
ESD cung cấp khả **năng** xả **năng** lượng **tĩnh** điện **có** kiểm **soát có** thể **làm** hỏng **các** bộ phận điện tử và **ngăn** chặn bắt lửa **do** tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



Lớp **lót Coolmax** Công nghệ Coolmax vận động **viên**. Chất liệu vận chuyển độ ẩm **và** khô ráo. **Chúng** tôi thấy **nó** cực **kỳ** phù hợp



có thể **tháo** rờ Thay miếng **lót giày** thường **lót giày** chỉnh hình

Công nghiệp **n:**
ạch , Làm s c v ề **y** h ọ c

ường: **Môi** t
ru ờn **môi** khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp **cách** hàng nhiệt **Không** trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q
Những vật l iệu **hành** độ n g **da** **cao** cấp h ơn			
	Top: khả năng thấm hơi nước	? 0.8	1.2 ờ mg/cm/g
	Top: hi nuệ số hơ	? 15	15.2 mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế		
	L ớp lót: thấm hơi nước	? 2	28.9 ờ mg/cm/g
	lót: hi nuệ số hơ	? 20	231.3 mg/cm2
rong Đ ệ m **chân** **SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)			
	ệ m chân: Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ	**Phlon/cao su**		
	Ch ố ma sát tĩnh (mài mòn)	? 150	89 mm
	Chư ố ợt trơ gót bàn - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	0.44 ma sát
	rư Ợt có ớt bằng G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.37 ma sát
	rư Ợt SR ng G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.36 ma sát
	Chư ố ợt SR ng G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.22	0.28 ma sát
	rị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	21.8 megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	26 megaohm
	Hấp thụ năng l ư ợ g chân củ	? 20	31 J

kích thước thép: 41

a chúng tôi Giày bảo hộ có thể thay thế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q
i **CO** **phát** thả		
	V ật l iệu	3.04 kg
	Bao bì	0.10 kg
	ất Sản x u	1.90 kg
	Chuyên ch ở	0.26 kg
		5.29 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t K u q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế		
	Product	5%
	Bao bì	100%

Tính toán CO2:
rị đ Các giá trị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán dựa trên dữ liệu được cung cấp bởi Ecoinvent và có thể thay đổi.